

ĐIỀU KHOẢN SẢN PHẨM BẢO HIỂM BỔ TRỢ HỖ TRỢ ĐÓNG PHÍ DO TỬ VONG HOẶC BỆNH LÝ NGHIÊM TRỌNG CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM – GIA HẠN HÀNG NĂM

(Được phê chuẩn theo Công Văn số 12201/BTC-QLBH ngày 13 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài Chính)

Trường hợp được quy định một cách cụ thể và được giải thích riêng trong Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ Hỗ trợ đóng phí do tử vong hoặc bệnh lý nghiêm trọng của bên mua bảo hiểm – Gia hạn hàng năm (“**Sản Phẩm Bổ Trợ**”) này, tất cả các thuật ngữ được sử dụng trong Sản Phẩm Bổ Trợ này sẽ mang cùng ý nghĩa với các thuật ngữ được sử dụng và định nghĩa trong sản phẩm bảo hiểm chính (“**Hợp Đồng Bảo Hiểm**”) mà Sản Phẩm Bổ Trợ này đính kèm. Các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng Bảo Hiểm sẽ được áp dụng cho Sản Phẩm Bổ Trợ này. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa các điều khoản và điều kiện của Sản Phẩm Bổ Trợ và các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng Bảo Hiểm, các quy định của Sản Phẩm Bổ Trợ này sẽ được ưu tiên áp dụng.

ĐIỀU 1 ▶ ĐỊNH NGHĨA

- 1.1 Ngày Hiệu Lực:** là ngày mà Sản Phẩm Bổ Trợ bắt đầu có hiệu lực và được ghi nhận tại Trang Hợp Đồng hoặc Xác Nhận Thay Đổi Hợp Đồng (nếu có).
- 1.2 Ngày Cấp:** là ngày mà Sản Phẩm Bổ Trợ được Công Ty chấp thuận và được ghi nhận tại Trang Hợp Đồng hoặc Xác Nhận Thay Đổi Hợp Đồng (nếu có).
- 1.3 Bên Mua Bảo Hiểm:** Bên Mua Bảo Hiểm của Sản Phẩm Bổ Trợ này cũng chính là Bên Mua Bảo Hiểm của Hợp Đồng Bảo Hiểm và là cá nhân trong độ Tuổi từ mười tám (18) Tuổi đến năm mươi lăm (55) Tuổi. Vào thời điểm Sản Phẩm Bổ Trợ này được cấp, Người Được Bảo Hiểm của Hợp Đồng Bảo Hiểm phải ở trong độ Tuổi từ một (01) tháng Tuổi đến năm mươi lăm (55) Tuổi.
- 1.4 Tuổi:** là tuổi của (những) Người Được Bảo Hiểm tính theo ngày sinh nhật gần nhất trước: (i) Ngày Hiệu Lực, hoặc (ii) Ngày Kỳ Niệm Hợp Đồng/Ngày Kỳ Niệm Năm Hợp Đồng trong các Năm Hợp Đồng tiếp theo.
- 1.5 Thời Hạn Bảo Hiểm:** Thời Hạn Bảo Hiểm của sản phẩm này là một (01) năm tính từ ngày Sản Phẩm Bổ Trợ này có hiệu lực và được ghi trên Trang Hợp Đồng/Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm hoặc Xác Nhận Thay Đổi Hợp Đồng (nếu có). Sản phẩm bổ trợ này được tái tục hàng năm theo quy định tại Điều 7 cho đến khi bị chấm dứt theo quy định tại Điều 10 dưới đây.

- 1.6 Bệnh Lý Nghiêm Trọng Giai Đoạn Cuối:** là các bệnh, tình trạng y tế hoặc phẫu thuật được quy định cụ thể tại Phụ Lục của Sản Phẩm Bổ Trợ này.
- 1.7 Thời Hạn Hỗ Trợ Đóng Phí:** là khoảng thời gian mà Công Ty sẽ hỗ trợ đóng khoản Phí Bảo Hiểm Định Kỳ quy năm theo các điều khoản và điều kiện của Sản Phẩm Bổ Trợ này. Thời Hạn Hỗ Trợ Đóng Phí do Bên Mua Bảo Hiểm lựa chọn và được ghi trong Trang Hợp Đồng, hoặc Xác Nhận Thay Đổi Hợp Đồng (nếu có).
- 1.8 Bệnh Có Sẵn:** nghĩa là tình trạng bệnh tật hoặc tổn thương của Bên Mua Bảo Hiểm đã được bác sĩ kiểm tra, chẩn đoán hay điều trị trước: (i) Ngày Cấp Hợp Đồng, hoặc (ii) Ngày hiệu lực của Sản Phẩm Bổ Trợ này hoặc (iii) ngày khôi phục hiệu lực gần nhất của Sản Phẩm Bổ Trợ này, lấy ngày nào đến sau. Hồ sơ y tế, tình trạng tiền sử bệnh được lưu giữ tại các cơ sở y tế được thành lập hợp pháp hoặc các thông tin do Bên Mua Bảo Hiểm tự kê khai được xem là bằng chứng đầy đủ và hợp pháp về Bệnh Có Sẵn.

ĐIỀU 2 ▶ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

- 2.1** Trong thời gian Sản Phẩm Bổ Trợ này vẫn còn hiệu lực, nếu Bên Mua Bảo Hiểm tử vong hoặc được chẩn đoán là mắc bất kỳ Bệnh Lý Nghiêm Trọng Giai Đoạn Cuối nào được quy định tại Phụ Lục, Công Ty sẽ xem xét:
 - a) **Đối với Thời Hạn Hỗ Trợ Đóng Phí Đến Năm 65 Tuổi:** Chi trả khoản Phí Bảo Hiểm Định Kỳ quy năm vào mỗi Ngày Kỳ Niệm Hợp Đồng/Ngày Kỳ Niệm Năm Hợp Đồng tiếp theo sau ngày Sản Phẩm Bổ Trợ này được Công Ty chấp thuận thanh toán cho đến khi:
 - (i) hết Thời Hạn Hỗ Trợ Đóng Phí, hoặc
 - (ii) Hợp Đồng Bảo Hiểm chấm dứt, tùy trường hợp nào xảy ra trước.
 - b) **Đối với Thời Hạn Hỗ Trợ Đóng Phí là mười lăm (15) năm:** Chi trả khoản Phí Bảo Hiểm Định Kỳ quy năm vào mỗi Ngày Kỳ Niệm Hợp Đồng/Ngày Kỳ Niệm Năm Hợp Đồng tiếp theo sau ngày Sản Phẩm Bổ Trợ này được Công Ty chấp thuận thanh toán cho đến khi:

- (i) hết Thời Hạn Hỗ Trợ Đóng Phí,, hoặc
 - (ii) Hợp Đồng Bảo Hiểm chấm dứt,
- tùy trường hợp nào xảy ra trước.

2.2 Phí Bảo Hiểm Định Kỳ quy năm nêu tại Điều 2.1 được xác định vào mỗi Ngày Kỷ Niệm Hợp Đồng/Ngày Kỷ Niệm Năm Hợp Đồng căn cứ vào quyết định về việc tái tục (các) sản phẩm bồi trợ tương ứng. Trường hợp Hợp Đồng Bảo Hiểm có Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng/Giá Trị Tài Khoản, khoản Phí Bảo Hiểm Định Kỳ quy năm này vẫn được trừ Phí Ban Đầu (nếu có) trước khi phân bổ vào Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng/Giá Trị Tài Khoản như được quy định tại Hợp Đồng Bảo Hiểm.

2.3 Sau khi Công Ty chấp thuận thanh toán Sản Phẩm Bồi Trợ này:

- a) Quyền lợi gia tăng Số Tiền Bảo Hiểm không cần thẩm định (nếu có), quyền tăng Số Tiền Bảo Hiểm, quyền tham gia (các) sản phẩm bồi trợ, quyền thay đổi Kế Hoạch Bảo Hiểm, quyền thay đổi Phí Bảo Hiểm Cơ Bản được quy định tại Hợp Đồng Bảo Hiểm (nếu có) sẽ không được áp dụng nữa; và
- b) Trong trường hợp Công Ty chấp thuận thanh toán quyền lợi bảo hiểm khi tử vong của Người Được Bảo Hiểm của Hợp Đồng Bảo Hiểm, các khoản Phí Bảo Hiểm Định Kỳ quy năm còn lại chưa thanh toán trong Thời Hạn Hỗ Trợ Đóng Phí sẽ được Công Ty chi trả toàn bộ một lần cùng lúc với việc chi trả quyền lợi bảo hiểm tử vong.

ĐIỀU 3 › THỜI GIAN CHỜ ÁP DỤNG CHO BỆNH LÝ NGHIÊM TRỌNG GIAI ĐOẠN CUỐI

Bất kể đã có quy định nêu trên và trừ trường hợp do Tai Nạn, bất kỳ và tất cả các quyền lợi liên quan đến Bệnh Lý Nghiêm Trọng Giai Đoạn Cuối được quy định tại Sản Phẩm Bồi Trợ này sẽ chỉ được xem xét và/hoặc chi trả nếu Bên Mua Bảo Hiểm được chẩn đoán hoặc điều trị hoặc có bất kỳ dấu hiệu hoặc triệu chứng nào của Bệnh Lý Nghiêm Trọng Giai Đoạn Cuối sau chín mươi (90) ngày kể từ Ngày Cấp hoặc ngày khôi phục hiệu lực gần nhất của Sản Phẩm Bồi Trợ này, tùy thuộc vào ngày nào đến sau.

ĐIỀU 4 › CHỨNG TỪ YÊU CẦU GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

4.1 Thông báo về sự kiện bảo hiểm xảy ra và các bằng chứng, chứng từ liên quan phải được người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm nộp cho Công Ty trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm, nếu không Công Ty có quyền từ chối giải quyết quyền lợi

bảo hiểm. Công Ty sẽ chỉ xem xét và/hoặc có nghĩa vụ chi trả quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp việc chậm nộp các bằng chứng/chứng từ là do hậu quả của các sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

4.2 Chứng từ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm khi Bên Mua Bảo Hiểm tử vong

- a) Đơn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm và giấy ủy quyền do Công Ty cung cấp đã được điền hoàn chỉnh và chính xác; và
- b) Giấy chứng tử/Trích lục khai tử (Bản sao có chứng thực của các cơ quan có thẩm quyền); và
- c) Hồ sơ y tế, bản sao bệnh án có xác nhận của cơ sở y tế điều trị, giấy ra viện, kết quả xét nghiệm, kết quả chẩn đoán hình ảnh, giấy chứng nhận thương tích, kết quả giám định y khoa, bảng kê chi tiết viện phí, hóa đơn, đơn thuốc (nếu có), hồ sơ tai nạn (trong trường hợp Người Được Bảo Hiểm tử vong do tai nạn); và

4.3 Chứng từ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm khi Bệnh Lý Nghiêm Trọng Giai Đoạn Cuối

- a) Đơn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm và giấy ủy quyền do Công Ty cung cấp đã được điền hoàn chỉnh và chính xác; và
- b) Hồ sơ y tế, bản sao bệnh án có xác nhận của cơ sở y tế điều trị, giấy ra viện, kết quả xét nghiệm, kết quả chẩn đoán hình ảnh, giấy chứng nhận thương tích, bảng kê chi tiết viện phí, hóa đơn, đơn thuốc (nếu có); và
- c) Chứng minh nhân dân của Người Thụ Hưởng và/hoặc người được ủy quyền nhận quyền lợi bảo hiểm, văn bản và/hoặc chứng từ khác tùy trường hợp cụ thể và cần thiết theo quy định của Công Ty.
- d) Bảng chứng về Tai Nạn dẫn đến Bệnh Lý Nghiêm Trọng Giai Đoạn Cuối được yêu cầu bồi thường (nếu có) như: biên bản tai nạn, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản kết luận điều tra, biên bản giải phẫu pháp y do Công an cấp quận/huyện trở lên lập (nếu có);
- e) Kết quả giám định tình trạng thương tật do Hội đồng y khoa cấp tỉnh hoặc cơ quan tương đương theo quy định của pháp luật cấp.

ĐIỀU 5 › CÁC TRƯỜNG HỢP LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

5.1 Các loại trừ đối với quyền lợi bảo hiểm khi tử vong của Bên Mua Bảo Hiểm.

Công Ty sẽ không thanh toán các quyền lợi được quy định tại Sản Phẩm Bảo Trợ này nếu như sự kiện bảo hiểm có liên quan đến một trong các nguyên nhân sau:

- a) Tự tử hoặc có hành vi tự tử hoặc bất kỳ trường hợp tự ý gây ra tổn thương, cho dù Người Được Bảo Hiểm có bị mất trí hay không; hoặc
- b) Do hành vi vi phạm pháp luật hình sự của Người Thụ Hưởng, Người Được Bảo Hiểm của Hợp Đồng Bảo Hiểm hoặc Bên Mua Bảo Hiểm; hoặc
- c) Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (AIDS) và tình trạng hoặc bệnh tật nào liên quan đến AIDS (ARC), hoặc nhiễm vi rút (virus) gây suy giảm miễn dịch ở người (HIV).

5.2 Các loại trừ đối với quyền lợi bảo hiểm khi Bệnh Lý Nghiêm Trọng Giai Đoạn Cuối của Bên Mua Bảo Hiểm

Công Ty sẽ không thanh toán các quyền lợi được quy định tại Sản Phẩm Bảo Trợ này nếu như sự kiện bảo hiểm có liên quan trực tiếp đến một trong các nguyên nhân sau:

- a) Tự tử hoặc có hành vi tự tử hoặc bất kỳ trường hợp tự ý gây ra tổn thương, cho dù Người Được Bảo Hiểm có bị mất trí hay không; hoặc
- b) Hành vi vi phạm pháp luật hình sự của Bên Mua Bảo Hiểm, Người Thụ Hưởng hoặc Người Được Bảo Hiểm của Hợp Đồng Bảo Hiểm; hoặc
- c) Liên quan đến Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (AIDS) và tình trạng hoặc bệnh tật nào liên quan đến AIDS (ARC), hoặc nhiễm vi rút (virus) gây suy giảm miễn dịch ở người (HIV); hoặc
- d) Các khiếm khuyết hoặc bệnh bẩm sinh; hoặc
- e) Nổ hoặc phóng xạ từ vũ khí hạt nhân, vũ khí hóa học và nguyên tử, nhiễm độc phóng xạ từ việc cài đặt hạt nhân và nguyên tử; hoặc
- f) Các Bệnh Có Sẵn, ngoại trừ những trường hợp đã được kê khai và được sự chấp thuận của Công Ty.

ĐIỀU 6 ▶ PHÍ BẢO HIỂM, ĐỊNH KỲ ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM

- 6.1** Phí bảo hiểm của Sản Phẩm Bảo Trợ cần phải được đóng đầy đủ và đúng hạn. Sản Phẩm Bảo Trợ này sẽ có cùng định kỳ đóng phí với Hợp Đồng Bảo Hiểm.
- 6.2** Phí bảo hiểm được tính theo nghề nghiệp và tình trạng sức khỏe của Người Được Bảo Hiểm tại thời điểm phát hành Sản Phẩm Bảo Trợ này.
- 6.3** Bên Mua Bảo Hiểm và Người Được Bảo Hiểm có nghĩa

vụ phải thông báo cho Công Ty, bao gồm các thay đổi về nơi cư trú, di chuyển ra nước ngoài từ chín mươi (90) ngày trở lên, tính chất công việc, hoặc nghề nghiệp của Người Được Bảo Hiểm trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày có sự thay đổi nêu trên. Trong trường hợp có sự thay đổi, Công Ty có toàn quyền điều chỉnh mức phí bảo hiểm hoặc áp dụng các loại trừ bổ sung cần thiết.

- 6.4** Công Ty sẽ miễn trừ Phí Bảo Hiểm đến hạn (nếu có) chưa thanh toán trước khi chi trả Quyền Lợi Bảo Hiểm trong thời gian gia hạn đóng phí 60 (sáu mươi) ngày.

ĐIỀU 7 ▶ ĐIỀU KHOẢN TÁI TỤC

- 7.1** Tùy thuộc vào chấp thuận của Công Ty, Sản Phẩm Bảo Trợ này có thể được xem xét tái tục hàng năm tại mỗi Ngày Kỷ Niệm Hợp Đồng / Ngày Kỷ Niệm Năm Hợp Đồng cho đến khi Bên Mua Bảo Hiểm yêu cầu chấm dứt hoặc Người Được Bảo Hiểm không còn đáp ứng các điều kiện được bảo hiểm quy định tại Sản Phẩm Bảo Trợ này. Mức phí bảo hiểm của Sản Phẩm Bảo Trợ có thể được thay đổi tại mỗi thời điểm tái tục và phải được Bên Mua Bảo Hiểm đóng đầy đủ. Nếu việc tái tục được Công Ty chấp thuận, thời hạn của mỗi lần tái tục là một (01) năm.
- 7.2** Công Ty có quyền từ chối tái tục Sản Phẩm Bảo Trợ này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên Mua Bảo Hiểm trước ngày tái tục.
- 7.3** Những quy định đối với các quyền lợi bảo hiểm tại Sản Phẩm Bảo Trợ này sẽ tiếp tục được áp dụng theo cùng các điều khoản và điều kiện trong thời gian được tái tục.

ĐIỀU 8 ▶ HỦY BỎ SẢN PHẨM BẢO TRỢ

Trong thời gian Hợp Đồng Bảo Hiểm và Sản Phẩm Bảo Trợ vẫn còn hiệu lực, Bên Mua Bảo Hiểm có thể yêu cầu hủy bỏ Sản Phẩm Bảo Trợ này. Ngày hiệu lực hủy bỏ sẽ được ghi trên Xác Nhận Thay Đổi Hợp Đồng do Công Ty phát hành.

ĐIỀU 9 ▶ KHÔI PHỤC HIỆU LỰC SẢN PHẨM BẢO TRỢ

- 9.1** Tùy thuộc vào sự chấp thuận của Công Ty, Sản Phẩm Bảo Trợ này có thể được khôi phục hiệu lực trong trường hợp Sản Phẩm Bảo Trợ bị mất hiệu lực do Hợp Đồng Bảo Hiểm bị mất hiệu lực. Việc khôi phục hiệu lực sẽ được áp dụng một cách tương ứng theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng Bảo Hiểm. Sản Phẩm Bảo Trợ bị chấm dứt hiệu lực theo yêu cầu của Bên Mua Bảo Hiểm sẽ không được khôi phục.

- 9.2** Công Ty không có nghĩa vụ thanh toán bất kỳ quyền lợi bảo hiểm nào nêu tại Sản Phẩm Bảo Trợ này nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra hoặc được chẩn đoán hoặc có bất kỳ dấu hiệu nào gây ra sự kiện bảo hiểm đó đã xuất hiện trong thời gian Sản Phẩm Bảo Trợ bị mất hiệu lực.

ĐIỀU 10 › CHẤM DỨT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM BẢO TRỢ

Tất cả các quyền lợi bảo hiểm theo Sản Phẩm Bảo Trợ này sẽ được chấm dứt toàn bộ ngay khi có bất kỳ sự kiện nào dưới đây xảy ra:

- 10.1** Khi Hợp Đồng Bảo Hiểm bị mất hiệu lực, bị chấm dứt, bị hủy bỏ, đảo hạn; hoặc
- 10.2** Khi Bên Mua Bảo Hiểm yêu cầu chấm dứt Sản Phẩm Bảo Trợ này; hoặc
- 10.3** Vào Ngày Kỷ Niệm Hợp Đồng/Ngày Kỷ Niệm Năm Hợp Đồng khi Người Được Bảo Hiểm của Hợp Đồng Bảo Hiểm đủ 70 Tuổi; hoặc
- 10.4** Bên Mua Bảo Hiểm tử vong; hoặc
- 10.5** Khi kết thúc Thời Hạn Hỗ Trợ Đóng Phí của Sản Phẩm Bảo Trợ này; hoặc
- 10.6** Khi Công Ty đã chấp thuận thanh toán:
- a) Sản Phẩm Bảo Trợ này; hoặc
 - b) Sản Phẩm Bảo Hiểm Bảo Trợ Hỗ Trợ Đóng Phí Do Bệnh Lý Nghiêm Trọng của Người Được Bảo Hiểm – Gia Hạn Hàng Năm; hoặc
 - c) Sản Phẩm Bảo Hiểm Bảo Trợ Hỗ Trợ Đóng Phí Do Thương Tật Toàn Bộ Và Vĩnh Viễn Của Người Được Bảo Hiểm – Gia Hạn Hàng Năm.
- tùy trường hợp nào xảy ra trước.

ĐIỀU 11 › KHÔNG THAM GIA CHIA LÃI

Sản Phẩm Bảo Trợ này không tham gia vào bất kỳ việc chia lãi của Công Ty.

PHỤ LỤC

DANH SÁCH BỆNH LÝ NGHIÊM TRỌNG GIAI ĐOẠN CUỐI

(Được phê chuẩn theo Công văn số 12201/BTC-QLBH ngày 13 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài Chính)

ĐIỀU 1 ▶ ĐỊNH NGHĨA

Chức Năng Sinh Hoạt Hàng Ngày: bao gồm

- Tắm rửa: là khả năng tắm trong bồn hoặc dưới vòi hoa sen (bao gồm cả việc vào và ra khỏi bồn tắm hoặc nhà tắm) hay tắm/rửa bằng các phương tiện khác.
- Thay quần áo: là việc mặc và cởi các món quần áo, dây đeo, chân tay giả hay các phụ kiện lắp vào sau phẫu thuật.
- Chuyển chỗ: là việc di chuyển từ giường sang ghế ngồi hoặc xe lăn và ngược lại.
- Di chuyển: là khả năng di chuyển trong nhà, từ phòng này sang phòng khác trên mặt bằng.
- Vệ sinh: là khả năng sử dụng phòng vệ sinh, hoặc kiểm soát chức năng của ruột và bàng đái để duy trì vệ sinh cá nhân.
- Ăn uống: là việc tự ăn uống các thức ăn đã được chuẩn bị.

ĐIỀU 2 ▶ DANH SÁCH BỆNH LÝ NGHIÊM TRỌNG GIAI ĐOẠN CUỐI

2.1 Bệnh Alzheimer/ Sa sút trí tuệ trầm trọng

Giảm sút hay mất khả năng tư duy do bệnh Alzheimer hoặc rối loạn thực thể não không hồi phục và được chẩn đoán dựa trên các bằng chứng lâm sàng và các xét nghiệm về hình ảnh. Bệnh dẫn đến tình trạng suy giảm trầm trọng khả năng trí tuệ và xã hội, cần phải được giám sát liên tục. Bệnh phải được chẩn đoán xác định bởi bác sĩ chuyên khoa thần kinh và được Công Ty chấp thuận.

Loại trừ những trường hợp:

- Rối loạn não không do tổn thương thực thể như rối loạn thần kinh hay tâm thần
- Tổn thương não liên quan đến rượu, bia

2.2 Phẫu thuật động mạch chủ

Là phẫu thuật cắt bỏ và thay thế động mạch chủ hay một phần động mạch chủ bị bệnh bằng mảnh ghép. Trong định nghĩa này, động mạch chủ là động mạch chủ ngực và động mạch chủ bụng, không bao gồm các nhánh của động mạch chủ. Phẫu thuật này được xác định là cần thiết về mặt y khoa bởi bác sĩ chuyên khoa.

Loại trừ những trường hợp: điều trị bằng phương pháp

không phẫu thuật, tạo hình mạch máu, kỹ thuật thực hiện trong lòng động mạch, kỹ thuật đặt ống thông động mạch xuyên da (stent).

2.3 Thiếu máu bất sản

Là tình trạng suy tủy mạn tính, kéo dài được xác định bằng kết quả sinh thiết, gây ra thiếu máu, giảm bạch cầu, giảm tiểu cầu cần phải truyền sản phẩm máu và cần phải điều trị bằng một trong các phương pháp sau:

- Thuốc kích thích tủy
- Thuốc ức chế miễn dịch
- Ghép tủy.

Chẩn đoán thiếu máu bất sản phải được bác sĩ chuyên khoa huyết học xác nhận.

2.4 Hội chứng Apallic

Hoại tử toàn thể vùng vỏ não với phần thân não không bị ảnh hưởng. Hội chứng Apallic phải được chẩn đoán xác định bởi bác sĩ chuyên khoa thần kinh và bệnh phải kéo dài ít nhất một (01) tháng.

2.5 Viêm màng não nhiễm khuẩn

Là viêm màng não do vi khuẩn đưa đến những di chứng thần kinh nghiêm trọng kéo dài ít nhất 90 ngày kể từ ngày được chẩn đoán. Chẩn đoán phải được xác định bởi bác sĩ chuyên khoa thần kinh và có vi khuẩn trong dịch não tủy.

Loại trừ bệnh viêm màng não do virus.

2.6 U não lành tính

Là khối u trong nội sọ không phải ung thư, giới hạn trong não, màng não hay dây thần kinh sọ và đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Nguy hiểm đến tính mạng;
- Đã gây tổn thương cho não;
- Đã qua phẫu thuật lấy u hoặc đã gây ra di chứng thần kinh vĩnh viễn nếu không thể phẫu thuật;
- Phải được chẩn đoán xác định bởi các bác sĩ chuyên khoa thần kinh và có sự hiện diện của khối u trên các chẩn đoán hình ảnh như chụp điện toán cắt lớp (CT scan), cộng hưởng từ (MRI) hoặc các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh tin cậy khác.

Loại trừ các u dạng nang, u hạt, dị dạng mạch máu não,

khối máu tụ, các u tuyến yên, hoặc cột sống.

2.7 Phẫu thuật não

Là phẫu thuật mở hộp sọ để thực hiện phẫu thuật nhu mô não sau khi được gây mê toàn thân.

Loại trừ các trường hợp sau:

- Phẫu thuật khoan lỗ hộp sọ;
- Phẫu thuật não qua xương bướm;
- Phẫu thuật được trợ giúp bởi nội soi hoặc bất kỳ những phẫu thuật xâm lấn tối thiểu khác;
- Phẫu thuật não do tai nạn.

2.8 Ung thư đe dọa tính mạng

Ung thư có nghĩa là khối u đặc trưng bởi sự tăng trưởng không kiểm soát và lan rộng của những tế bào ác tính và sự xâm lấn các mô. Các loại ung thư bao gồm Carcinoma, Melanoma, Leukemia, Lymphoma và Sarcoma.

Chẩn đoán phải được xác nhận bởi bác sĩ chuyên khoa.

Loại trừ các trường hợp sau:

- Các sang thương được mô tả là lành tính, tiền ác tính, không chắc chắn, giáp biên, không xâm lấn, ung thư tại chỗ (carcinoma in-situ (Tis)) hoặc u được phân loại Ta;
- Ung thư da dạng melanin ác tính có chiều sâu nhỏ hơn hoặc bằng 1 cm trừ khi u lở loét hay kèm theo di căn hạch bạch huyết hoặc di căn xa. Ung thư da không phải là u melanin, không có di căn hạch bạch huyết hoặc không di căn xa.
- Ung thư tiền liệt tuyến được phân loại là T1a hoặc T1b, không có di căn hạch bạch huyết hoặc không di căn xa;
- Ung thư tuyến giáp thể nhú hoặc thể nang hoặc cả hai có đường kính lớn nhất của khối u nhỏ hơn hoặc bằng 2 cm và được phân loại là T1, không có di căn hạch bạch huyết hoặc không di căn xa;
- Ung thư máu dòng lympho mãn tính nhỏ hơn giai đoạn 3 theo phân loại Rai;
- U mô đệm đường tiêu hóa (GIST) ác tính và u carcinoid ác tính nhỏ hơn giai đoạn 2 theo phân loại AJCC.

2.9 Bệnh cơ tim

Bệnh cơ tim được chuẩn đoán xác định bởi bác sĩ chuyên khoa tim mạch, đặc trưng bởi sự suy giảm vĩnh viễn chức năng tâm thất được xác nhận bằng siêu âm tim. Bệnh dẫn đến tổn thương thực thể vĩnh viễn tương ứng với ít nhất là nhóm 3 của bảng phân loại suy tim của Hiệp hội Tim mạch New York (NYHA) theo các tiêu chuẩn như sau:

- Nhóm 3: Hạn chế vận động thể lực nhiều. Mặc dù bệnh nhân khỏe khi nghỉ ngơi nhưng chỉ cần vận động nhẹ đã có triệu chứng cơ năng.
- Nhóm 4: Không vận động thể lực nào mà không gây khó chịu. Triệu chứng suy tim xảy ra khi nghỉ ngơi.

Loại trừ bệnh cơ tim liên quan đến sử dụng rượu, bia.

2.10 Hôn mê

Hôn mê kéo dài ít nhất 96 giờ. Chẩn đoán phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Không đáp ứng với kích thích bên ngoài trong vòng ít nhất là 96 giờ;
- Cần có các biện pháp hỗ trợ để duy trì sự sống;
- Tổn thương não dẫn đến di chứng thần kinh vĩnh viễn được đánh giá ít nhất 30 ngày sau khi bị hôn mê.

Loại trừ hôn mê do sử dụng rượu, bia, thuốc hoặc chất gây nghiện.

2.11 Phẫu thuật nối tắt động mạch vành

Là phẫu thuật tim hở để sửa chữa hoặc điều trị động mạch vành bằng mảnh ghép nối tắt.

Loại trừ phẫu thuật tạo hình mạch máu, đặt giá đỡ mạch máu (stent) hay các kỹ thuật thông lòng động mạch, hoặc điều trị bằng keyhole hay laser.

2.12 Viêm não do virus

Là tình trạng viêm của nhu mô não (bán cầu đại não, thân não hoặc tiểu não) do nhiễm virus, gây ra di chứng thần kinh nghiêm trọng và vĩnh viễn kéo dài ít nhất 6 (sáu) tuần và được bác sĩ chuyên khoa thần kinh xác nhận.

Loại trừ viêm não do nhiễm HIV.

2.13 Bệnh phổi giai đoạn cuối

Bệnh gây ra suy hô hấp mãn tính, chẩn đoán phải đáp ứng tất cả các dấu hiệu sau:

- Kết quả đo thể tích khí thở ra gắng sức trong giây đầu tiên (FEV1) luôn luôn dưới 1 (một) lít và cần phải điều trị liên tục liệu pháp cung cấp Oxy do tình trạng giảm Oxy máu;
- Kết quả phân tích khí máu động mạch cho thấy áp lực Oxy bán phần lúc nghỉ từ 55mmHg trở xuống ($PaO_2 \leq 55\text{mmHg}$) và có triệu chứng khó thở khi nghỉ ngơi.

Chẩn đoán phải được xác nhận bởi bác sĩ chuyên khoa hô hấp.

2.14 Bệnh suy gan giai đoạn cuối

Là suy gan giai đoạn cuối có tất cả các dấu hiệu sau:

- Vàng da kéo dài;

- Cổ trướng;
- Bệnh não do gan.

Loại trừ bệnh gan thứ phát do sử dụng rượu, bia hay chất gây nghiện.

2.15 Viêm gan siêu vi tối cấp

Bệnh viêm gan siêu vi làm hoại tử nhu mô gan dẫn tới hội chứng suy gan tối cấp. Bệnh được chẩn đoán xác định khi có tất cả các dấu hiệu sau:

- Giảm nhanh kích thước gan được xác nhận bằng siêu âm bụng;
- Hoại tử toàn bộ các thùy liên quan, chỉ còn khung lưới của gan;
- Suy giảm nhanh các xét nghiệm chức năng gan;
- Vàng da đậm;
- Bệnh não do gan.

2.16 Nhồi máu cơ tim

Là chết một phần cơ tim do không cung cấp đủ máu nuôi. Chẩn đoán phải đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn sau và phải nhất quán với trường hợp nhồi máu cơ tim cấp:

- Bệnh sử của cơn đau ngực điển hình;
- Các thay đổi mới trên điện tâm đồ;
- Tăng các men (enzyme) tim có giá trị chẩn đoán như:
 - Men CPK-MB tăng cao;
 - Troponin T > 1.0 ng/ml;
 - AccuTnl > 0.5 ng/ml hoặc ngưỡng tương đương của Troponin I.

Loại trừ các trường hợp sau:

- Hội chứng mạch vành cấp khác bao gồm nhưng không giới hạn cơn đau thắt ngực;
- Nhồi máu cơ tim không đặc hiệu;
- Tăng các men tim hoặc Troponin T hay Troponin I sau khi thực hiện các thủ thuật xuyên da hay các thủ thuật nội mạch của tim bao gồm nhưng không giới hạn thủ thuật chụp hình động mạch vành, tạo hình động mạch vành.

2.17 Thay thế van tim

Là phẫu thuật tim hở để thay thế hay sửa chữa các bất thường của van tim. Các bất thường của van tim phải căn cứ vào kết quả từ thủ thuật thông tim hoặc siêu âm tim và việc thực hiện điều trị này phải cần thiết về mặt y khoa do bác sĩ chuyên khoa tim mạch chỉ định.

2.18 Suy thận

Suy thận không hồi phục mạn tính của cả 2 (hai) thận, cần phải được điều trị bằng thẩm phân phúc mạc, chạy

thận nhân tạo vĩnh viễn hay ghép thận.

Chẩn đoán phải được xác định bởi bác sĩ chuyên khoa.

2.19 Mất khả năng sống độc lập

Là mất khả năng thực hiện tối thiểu ba (03) trong sáu (06) Chức Năng Sinh Hoạt Hàng Ngày (có hay không sử dụng thiết bị hỗ trợ) do bệnh hoặc chấn thương gây ra trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng. Bệnh được chẩn đoán xác định bởi bác sĩ chuyên khoa do công ty chỉ định.

Loại trừ bệnh không do tổn thương thực thể như những bệnh về thần kinh hay tâm thần.

2.20 Câm

Mất khả năng nói hoàn toàn và không hồi phục do bệnh hay tổn thương dây thanh âm trong mười hai (12) tháng liên tục. Các bằng chứng y tế phải do bác sĩ chuyên khoa Tai Mũi Họng xác nhận.

Loại trừ mọi tình trạng câm có liên quan đến tâm thần.

2.21 Chấn thương sọ não nghiêm trọng

Chấn thương sọ não do tai nạn có di chứng thần kinh nghiêm trọng và vĩnh viễn trong thời gian ít nhất 3 (ba) tháng kể từ ngày xảy ra tai nạn. Di chứng này làm mất hoàn toàn và vĩnh viễn khả năng thực hiện tối thiểu 3 (ba) trong 6 (sáu) Chức Năng Sinh Hoạt Hàng Ngày. Bệnh được chẩn đoán xác định bởi bác sĩ chuyên khoa thần kinh.

2.22 Ghép cơ quan chính

Là sự suy giảm không có khả năng hồi phục của các cơ quan như tim, phổi, gan, thận hay tủy xương và việc cấy ghép là cần thiết về mặt y khoa. Chẩn đoán phải được xác nhận bởi bác sĩ chuyên khoa và phải có phẫu thuật cấy ghép tim, phổi, gan, thận hay tủy xương.

2.23 Bệnh nang tủy thận

Là bệnh thận tiến triển do di truyền, đặc trưng bởi sự hiện diện các nang trong tủy thận, teo tiểu quản thận và xơ hóa các ống kẽ thận dẫn đến các biểu hiện lâm sàng như thiếu máu, tiểu nhiều và mất Natri, tiến triển tới suy thận mãn tính.

Chẩn đoán phải được xác định bằng sinh thiết thận.

2.24 Bệnh tế bào thần kinh vận động

Là tình trạng thoái hóa tiến triển các bó vỏ não tủy sống và các tế bào sừng trước của tủy sống hoặc các tế bào thần kinh ly tâm của hành não dẫn đến di chứng thần kinh vĩnh viễn, bao gồm bệnh teo cơ tủy sống, liệt hành não tiến triển, và xơ cứng cột bên nguyên phát.

Bệnh được chẩn đoán xác định bởi bác sĩ chuyên khoa

thần kinh.

2.25 Bệnh xơ cứng rải rác

Là bệnh lý do sự phá hủy chất myelin ở mô thần kinh não. Bệnh phải được bác sỹ chuyên khoa thần kinh chẩn đoán căn cứ vào lâm sàng, bệnh sử theo dõi chặt chẽ tiến triển và hồi phục của bệnh.

Các kết quả chẩn đoán hình ảnh như chụp cộng hưởng từ (MRI), chụp điện toán cắt lớp (CT) hoặc các kết quả chẩn đoán hình ảnh đáng tin cậy khác phải xác nhận cho chẩn đoán.

Phải có các dấu hiệu tổn thương thần kinh vĩnh viễn, kéo dài liên tục trong khoảng thời gian ít nhất sáu (06) tháng.

Loại trừ các nguyên nhân gây tổn thương thần kinh khác như bệnh Lupus ban đỏ hệ thống (SLE) và nhiễm HIV.

2.26 Loạn dưỡng cơ

Là nhóm bệnh thoái hóa cơ di truyền đặc trưng bởi yếu và teo cơ tiến triển. Loạn dưỡng cơ phải được bác sỹ chuyên khoa thần kinh chẩn đoán. Bệnh phải gây ra tình trạng mất hoàn toàn và vĩnh viễn khả năng thực hiện tối thiểu ba (03) trong sáu (06) Chức Năng Sinh Hoạt Hàng Ngày (có hay không dụng cụ hỗ trợ) trong thời gian ít nhất sáu (06) tháng liên tục.

2.27 Bệnh Parkinson nguyên phát

Bệnh Parkinson tự phát phải do bác sỹ chuyên khoa thần kinh chẩn đoán xác định với tất cả các dấu hiệu sau:

- Bệnh không thể kiểm soát được bằng thuốc;
- Có dấu hiệu của tình trạng tổn thương thần kinh tiến triển;
- Mất hoàn toàn và vĩnh viễn khả năng thực hiện tối thiểu ba (03) trong sáu (06) Chức Năng Sinh Hoạt Hàng Ngày (có hay không có dụng cụ hỗ trợ) trong thời gian ít nhất sáu (06) tháng liên tục.

Loại trừ bệnh do thuốc, độc chất hay các nguyên nhân khác.

2.28 Bệnh sốt bại liệt (Poliomyelitis)

Là tình trạng nhiễm virus gây sốt bại liệt dẫn đến liệt cơ các chi hay cơ hô hấp kéo dài ít nhất ba (03) tháng. Virus gây sốt bại liệt phải được xác định là nguyên nhân gây bệnh.

2.29 Bệnh tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát

Tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát đi kèm với phì đại tâm thất phải đáng kể với chẩn đoán được xác định qua thủ thuật thông tim. Bệnh dẫn đến tổn thương thực thể vĩnh viễn không hồi phục tương ứng với nhóm

4 của bảng phân loại suy tim của Hiệp hội Tim mạch New York (NYHA) theo các tiêu chuẩn như sau:

- Nhóm 1: Không hạn chế vận động thể lực. Vận động thể lực thông thường không gây mệt, khó thở hoặc hồi hộp
- Nhóm 2: Hạn chế nhẹ vận động thể lực. Bệnh nhân khỏe mạnh khi nghỉ ngơi. Vận động thể lực thông thường dẫn đến mệt, hồi hộp, khó thở hoặc đau ngực
- Nhóm 3: Hạn chế vận động thể lực nhiều. Mặc dù bệnh nhân khỏe khi nghỉ ngơi nhưng chỉ cần vận động nhẹ đã có triệu chứng cơ năng.
- Nhóm 4: Không vận động thể lực nào mà không gây khó chịu. Triệu chứng suy tim xảy ra khi nghỉ ngơi.

2.30 Bồng nặng

Là bồng độ III (ba) chiếm tối thiểu 20% diện tích bề mặt cơ thể. Chẩn đoán phải được xác nhận bởi bác sỹ chuyên khoa.

2.31 Bệnh Lupus ban đỏ hệ thống (SLE) có kèm viêm thận do Lupus

Là bệnh lý tự miễn đa cơ quan đặc trưng bởi sự phát triển của các tự kháng thể trực tiếp chống lại các tự kháng nguyên khác nhau.

Đối với điều khoản này, bệnh Lupus ban đỏ hệ thống được giới hạn trong những thể Lupus ban đỏ hệ thống liên quan đến thận (Bệnh viêm thận do Lupus nhóm III, IV hoặc V dựa trên kết quả sinh thiết thận theo Tổ Chức Y Tế Thế Giới).

Loại trừ các dạng khác như Lupus ban đỏ hình đĩa hoặc các dạng Lupus chỉ có rối loạn huyết học hoặc khớp.

Phân loại Lupus theo Tổ Chức Y Tế Thế Giới (WHO):

- Nhóm I: Viêm cầu thận thay đổi tối thiểu
- Nhóm II: Viêm cầu thận gian mạch đơn thuần
- Nhóm III: Viêm cầu thận ổ, cục bộ
- Nhóm IV: Viêm cầu thận lan tỏa
- Nhóm V: Viêm cầu thận màng.

2.32 Đột quy (Tai biến mạch máu não)

Tai biến mạch máu não bao gồm nhồi máu nhu mô não, xuất huyết não và xuất huyết dưới nhện, huyết khối và huyết tắc mạch máu não gây ra khiếm khuyết chức năng thần kinh nghiêm trọng và vĩnh viễn. Khiếm khuyết này phải được bác sỹ chuyên khoa thần kinh xác nhận ít nhất 6 (sáu) tuần sau khi đột quy và phải có các kết quả của chụp cộng hưởng từ (MRI), chụp điện toán cắt lớp (CT) hoặc các kỹ thuật hình ảnh đáng tin cậy phù hợp với chẩn đoán của bệnh đột quy mới.

Loại trừ các trường hợp sau:

- Cơn thiếu máu não thoáng qua;
- Tổn thương não do tai nạn hoặc do chấn thương, nhiễm trùng, viêm mạch, bệnh lý viêm nhiễm;
- Bệnh mạch máu ảnh hưởng đến mắt hay thần kinh thị giác;
- Rối loạn thiếu máu của hệ tiền đình.

Khiếm khuyết chức năng thần kinh vĩnh viễn là sự tồn tại suốt thời gian sống với các dấu hiệu lâm sàng như tê, liệt, yếu cục bộ, loạn vận ngôn, mất ngôn ngữ, chứng khó nuốt, suy giảm thị lực, khó khăn khi đi, thiếu phối hợp, run, co giật, sa sút tâm thần, mê sảng, hôn mê.

2.33 Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối

Là bệnh lý mà theo quan điểm của Bác sỹ chuyên khoa và được sự đồng ý của bác sỹ của Công Ty rằng bệnh lý này chắc chắn sẽ gây tử vong trong vòng 6 (sáu) tháng.

Loại trừ bệnh hiểm nghèo liên quan đến nhiễm HIV.

2.34 Bệnh xơ cứng cột bên teo cơ

Là tình trạng khiếm khuyết thần kinh được xác định chắc chắn với các dấu hiệu dai dẳng liên quan đến các cột tủy sống và các trung tâm vận động tại não và với sự yếu và teo của các cơ tứ chi. Bệnh phải được bác sỹ chuyên khoa thần kinh chẩn đoán xác định và có các xét nghiệm thần kinh-cơ thích hợp xác nhận chẩn đoán như Điện cơ đồ (EMG).

2.35 Viêm tụy mãn tái phát

Có trên ba (03) đợt viêm tụy làm rối loạn chức năng của tụy gây ra chứng kém hấp thu cần phải dùng liệu pháp men (enzyme) thay thế.

Bệnh phải được bác sỹ chuyên khoa tiêu hóa chẩn đoán và phải được xác nhận bằng kết quả chụp mật tụy ngược dòng qua nội soi (ERCP).

Loại trừ viêm tụy mãn tái phát gây ra do sử dụng rượu, bia.

2.36 Bệnh Creutzfeld - Jacob

Bệnh Creutzfeld - Jacob hay biến thể của bệnh Creutzfeld - Jacob kèm theo di chứng thần kinh làm mất hoàn toàn và vĩnh viễn khả năng thực hiện tối thiểu 2 (hai) trong 6 (sáu) Chức Năng Sinh Hoạt Hàng Ngày như được quy định trong hợp đồng.

Loại trừ những bệnh gây ra do điều trị bằng hormon tăng trưởng.

2.37 Bệnh viêm cân cơ hoại tử (Necrotising fasciitis)

Bệnh được chẩn đoán xác định dựa trên những tiêu chuẩn sau đây:

- Có các triệu chứng lâm sàng thông thường của bệnh

viêm cân cơ hoại tử;

- Vi khuẩn được xác định là nguyên nhân gây ra bệnh viêm cân cơ hoại tử;
- Hủy hoại lan rộng cơ và các mô mềm khác dẫn đến mất hoàn toàn và vĩnh viễn chức năng của những vùng cơ thể bị ảnh hưởng.

2.38 Viêm đa khớp dạng thấp nặng

Là tình trạng hủy hoại khớp tiến triển mãn tính lan rộng gây ra các biến dạng nghiêm trọng ảnh hưởng tối thiểu 3 (ba) khớp lớn (như khớp bàn chân, bàn tay, cổ tay, gối, hông). Chẩn đoán xác định với tất cả các dấu hiệu sau:

- Cứng khớp buổi sáng
- Viêm khớp đối xứng
- Hiện diện các nốt dạng thấp
- Tăng hàm lượng các yếu tố dạng thấp
- Bằng chứng X-quang của các biến dạng nghiêm trọng.

Bệnh phải được bác sỹ chuyên khoa khớp học chẩn đoán xác định.

2.39 Loãng xương nặng

Loãng xương là bệnh thoái hóa của bộ xương làm cho giảm số lượng tổ chức xương. Chẩn đoán bệnh này bao gồm:

- Chỉ số mật độ xương T-score theo định nghĩa của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) nhỏ hơn - 2.5
- Có ít nhất 3 (ba) lần gãy xương đùi, xương cổ tay hay xương cột sống do bị loãng xương
- Tình trạng gãy xương này làm cho Người Được Bảo Hiểm mất hoàn toàn và vĩnh viễn khả năng thực hiện ít nhất 3 (ba) trong 6 (sáu) Chức Năng Sinh Hoạt Hàng Ngày.

2.40 Xơ cứng bì hệ thống (Systemic Scleroderma)

Là bệnh mô liên kết hệ thống gây ra tổn thương xơ cứng lan rộng tiến triển ở da, mạch máu và các cơ quan nội tạng. Bệnh phải được xác định dựa trên ít nhất 2 (hai) trong số những tiêu chuẩn sau đây:

- Tổn thương tại phổi:
 1. Kết quả đo khả năng khuyết tán khí CO qua màng phế nang mao mạch (DLCO) < 70% giá trị tiên đoán
 2. Kết quả đo thể tích khí thở ra gắng sức trong giây đầu tiên (FEV1), dung tích sống gắng sức (FVC), dung tích toàn phổi (TLC) < 75% giá trị tiên đoán
- Tổn thương tại thận: Độ lọc cầu thận (GFR) < 60ml/min

- Tổn thương tại tim: Có triệu chứng suy tim sung huyết, rối loạn nhịp tim cần phải điều trị hay viêm màng ngoài tim gây ra tràn dịch màng ngoài tim lượng từ trung bình tới nặng.

Loại trừ những bệnh sau:

- Xơ cứng bì khu trú (Xơ cứng bì từng đám, từng dải);
- Bệnh viêm cân mạc bạch cầu ái toan (Eosinophilic fasciitis);
- Hội chứng CREST.

Bệnh phải được Bác sĩ chuyên khoa khớp học chẩn đoán xác định.

2.41 Thương Tật Toàn Bộ Và Vĩnh Viễn

a) Là sự mất hoặc liệt hoàn toàn và vĩnh viễn của:

- Hai tay; hoặc
- Hai chân; hoặc
- Một tay và một chân; hoặc
- Thị lực hai mắt; hoặc
- Một tay và thị lực một mắt; hoặc
- Một chân và thị lực một mắt.

Đối với điều khoản này, (i) mất hoàn toàn và vĩnh viễn đối với tay được hiểu là tình trạng cụt hoàn toàn từ cổ tay trở lên, hoặc (ii) mất hoàn toàn và vĩnh viễn đối với chân được hiểu là tình trạng cụt hoàn toàn từ mắt cá chân trở lên, hoặc (iii) mất hoàn toàn thị lực được hiểu là mất hẳn hoặc mù hoàn toàn và không thể phục hồi được chức năng nhìn của mắt.

Hoặc:

- b) Bị thương tật đạt tỷ lệ trên 80% theo quy định về tiêu chuẩn thương tật có hiệu lực vào thời điểm xảy ra tai nạn hoặc bệnh tật.

Tất cả các tình trạng liệt hoàn toàn và vĩnh viễn và/hoặc thương tật nêu trên phải được giám định và xác nhận bởi hội đồng y khoa cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc cơ quan tương đương theo quy định của pháp luật. Việc giám định này phải được thực hiện sau 180 (một trăm tám mươi) ngày tính từ ngày xảy ra Tai Nạn hoặc bệnh tật.

2.42 Bệnh nhược cơ (Myasthenia Gravis)

Là rối loạn tự miễn mắc phải của quá trình dẫn truyền thần kinh - cơ dẫn đến yếu và mệt cơ. Bệnh phải đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn sau:

- Sự hiện diện yếu cơ thường xuyên thuộc nhóm III, IV hoặc V của Bảng phân loại lâm sàng của Hiệp hội bệnh Nhược cơ Hoa Kỳ;
- Chẩn đoán xác định và phân loại bệnh phải được xác

nhận bởi bác sĩ chuyên khoa thần kinh.

Bảng phân loại lâm sàng của Hiệp hội bệnh Nhược cơ Hoa Kỳ

- Nhóm I: Yếu các cơ mắt, có thể sụp mi, không yếu các nhóm cơ khác
- Nhóm II: Yếu các cơ mắt ở mọi mức độ, yếu mức độ nhẹ các nhóm cơ khác
- Nhóm III: Yếu các cơ mắt ở mọi mức độ, yếu mức độ vừa các nhóm cơ khác
- Nhóm IV: Yếu các cơ mắt ở mọi mức độ, yếu mức độ nặng các nhóm cơ khác
- Nhóm V: Cần đặt nội khí quản để duy trì đường thở.

2.43 Bệnh Crohn

Là bệnh viêm xuyên thành đường ruột mãn tính, tình trạng viêm kéo dài liên tục mặc dù đã được điều trị tích cực. Chẩn đoán xác định với tất cả các dấu hiệu sau:

- Hình thành những chỗ hẹp gây ra tắc ruột cần phải nhập viện;
- Hình thành các lỗ dò giữa các quai ruột;
- Cần phải cắt ít nhất 1 đoạn ruột.

Chẩn đoán phải được xác nhận bởi bác sĩ chuyên khoa tiêu hóa được chứng minh bằng kết quả giải phẫu bệnh và/hoặc bởi kết quả nội soi đại tràng hay đại tràng sigma.

2.44 Hội chứng Eisenmenger

Là bệnh tim gây ra tăng áp lực động mạch phổi trầm trọng và làm đảo chiều luồng mạch máu.

Chẩn đoán phải được xác nhận bởi bác sĩ chuyên khoa bằng siêu âm tim và thông tim.

2.45 Suy tuyến thượng thận mãn tính (Bệnh Addison)

Là rối loạn tự miễn mãn tính gây ra phá hủy dần dần tuyến thượng thận cần phải được điều trị bằng corticoid suốt đời.

Chẩn đoán phải được xác nhận bởi bác sĩ chuyên khoa nội tiết được công ty chấp thuận và kết quả xét nghiệm kích thích ACTH.

Chỉ chấp nhận bệnh suy tuyến thượng thận do nguyên nhân tự miễn, loại trừ bệnh do các nguyên nhân khác.